

Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số: 1271/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
									Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
1	QT70061	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	08/04/1993	Hà Nội			9,00	8,25	74,00	17,25	
2	QT70099	Nghiêm Thị	Lân	Nữ	13/04/1993	Hà Nội			9,00	8,25	67,50	17,25	
3	QT70179	Mã Lệ	Tuyết	Nữ	23/10/1992	Lạng Sơn	Miễn thi Tiếng Anh		8,50	8,50	-----	17,00	
4	QT70015	Vũ Mai	Anh	Nữ	02/03/1993	Bắc Giang			9,00	7,75	77,00	16,75	
5	QT70134	Trần Thu	Phương	Nữ	09/12/1993	Nam Định			8,50	8,00	76,50	16,50	
6	QT70140	Phạm Thị Huyền	Quyên	Nữ	16/01/1990	Quảng Ninh			8,50	8,00	77,00	16,50	
7	QT70169	Đinh Thị Ngọc	Trâm	Nữ	20/11/1993	Quảng Ninh			8,00	8,50	82,00	16,50	
8	QT70074	Đặng Văn	Hùng	Nam	27/10/1986	Hải Dương			8,25	8,00	50,00	16,25	
9	QT70112	Đào Thị	Lụa	Nữ	29/08/1990	Nam Định			8,00	8,25	50,00	16,25	
10	QT70119	Lê Hoàng	Minh	Nam	28/03/1989	Ninh Bình			9,50	6,75	54,00	16,25	
11	QT70143	Dương Thị	Quỳnh	Nữ	13/12/1993	Thái Nguyên			8,25	8,00	70,50	16,25	
12	QT70155	Lâm Thị Kim	Thoa	Nữ	10/02/1977	Bắc Ninh			8,50	7,75	67,00	16,25	
13	QT70170	Nguyễn Trung	Triệu	Nam	03/03/1991	Hưng Yên			8,00	8,25	64,00	16,25	
14	QT70012	Trần Phương	Anh	Nữ	09/10/1993	Ninh Bình			8,00	8,00	54,50	16,00	
15	QT70020	Ngô Thị	Bình	Nữ	25/09/1980	Thái Bình			8,50	7,50	56,50	16,00	
16	QT70028	Hà Thùy	Dung	Nữ	13/04/1992	Hải Dương			7,50	8,50	63,50	16,00	
17	QT70045	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/04/1988	Bắc Giang			8,25	7,75	57,00	16,00	
18	QT70120	Vũ Như Ngọc	Minh	Nữ	20/09/1991	Nam Định			9,00	7,00	56,50	16,00	
19	QT70130	Dương Văn	Ninh	Nam	25/10/1984	Hà Nội			8,00	8,00	73,00	16,00	
20	QT70160	Phạm Thị Phương	Thúy	Nữ	29/07/1982	Hà Nội			8,75	7,25	70,50	16,00	

	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
									Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
21	QT70183	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	11/09/1992	Hà Nội			7,75	8,25	76,00	16,00	
22	QT70104	Đinh Thị Diệu	Linh	Nữ	05/08/1993	Bắc Ninh			8,25	7,50	62,50	15,75	
23	QT70124	Bùi Thị	Ngà	Nữ	05/03/1977	Thanh Hóa			7,75	8,00	58,00	15,75	
24	QT70141	Nguyễn Ánh	Quyên	Nam	12/06/1990	Hà Nội			8,50	7,25	68,00	15,75	
25	QT70153	Mai Thị	Thao	Nữ	24/01/1987	Thái Bình			8,50	7,25	60,50	15,75	
26	QT70162	Nguyễn Thị Song	Thương	Nữ	14/02/1993	Hà Tĩnh			8,50	7,25	64,00	15,75	
27	QT70181	Đào Hồng	Vân	Nữ	20/11/1990	Thanh Hóa			8,75	7,00	74,50	15,75	
28	QT70135	Phùng Minh	Quang	Nam	12/10/1992	Hà Nội			8,00	7,50	68,50	15,50	
29	QT70158	Trần Thu	Thủy	Nữ	21/12/1988	Nam Định			8,25	7,25	75,50	15,50	
30	QT70164	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	04/11/1992	Hải Dương			8,75	6,75	69,00	15,50	
31	QT70165	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	16/03/1993	Thái Nguyên			8,75	6,75	79,00	15,50	
32	QT70054	Phạm Văn	Hảo	Nam	01/07/1977	Bắc Giang		Công tác KVI	7,00	8,25	63,00	15,25	-Đã cộng 10 điểm vào môn Ngoại ngữ -Đã cộng 1 điểm vào môn Quản trị nhân lực
33	QT70062	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	02/02/1985	Hà Nam			9,00	6,25	51,00	15,25	
34	QT70064	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/12/1986	Hà Nội			7,50	7,75	52,00	15,25	
35	QT70068	Bùi Thị	Hoài	Nữ	07/02/1987	Quảng Ninh			7,25	8,00	53,00	15,25	
36	QT70084	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/08/1977	Quảng Ninh			8,25	7,00	54,50	15,25	
37	QT70086	Đào Lan	Hương	Nữ	10/12/1992	Hà Nội			8,50	6,75	50,00	15,25	
38	QT70145	Phạm Ngọc	Quỳnh	Nữ	12/11/1989	Thái Bình	Miễn thi Tiếng Anh		8,00	7,25	-----	15,25	
39	QT70152	Phạm Quang	Thành	Nam	31/12/1982	Quảng Ninh			8,25	7,00	52,00	15,25	
40	QT70168	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	08/05/1993	Hưng Yên			8,25	7,00	70,00	15,25	
41	QT70008	Nguyễn Thế	Anh	Nam	10/05/1988	Hà Nội			8,00	7,00	67,00	15,00	
42	QT70010	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	18/10/1993	Thái Bình			8,25	6,75	79,00	15,00	
43	QT70056	Lại Thúy	Hằng	Nữ	04/08/1992	Vĩnh Phúc			7,75	7,25	59,00	15,00	
44	QT70093	Lê Thị Ngọc	Khánh	Nữ	09/11/1989	Thanh Hóa			8,00	7,00	61,00	15,00	

	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
									Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
45	QT70108	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	17/10/1990	Hòa Bình			9,00	6,00	59,00	15,00	
46	QT70161	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	18/11/1992	Thái Nguyên			7,75	7,25	65,00	15,00	
47	QT70053	Trần Hữu	Hào	Nam	28/11/1980	Bắc Ninh		Công tác KV1	7,50	7,25	65,00	14,75	-Đã cộng 10 điểm vào môn Ngoại ngữ -Đã cộng 1 điểm vào môn Quản trị nhân lực
48	QT70078	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	08/06/1987	Thanh Hóa			8,00	6,75	51,00	14,75	
49	QT70176	Trần Quốc	Tuấn	Nam	08/09/1991	Vĩnh Phúc			8,25	6,50	70,00	14,75	
50	QT70024	Nguyễn Minh	Châu	Nam	08/07/1982	Hà Nội			7,00	7,50	50,50	14,50	
51	QT70029	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	09/01/1981	Hà Nội	Miễn thi Tiếng Anh	Con CĐHH	5,00	9,50	-----	14,50	- Đã cộng 1 điểm vào môn Quản trị nhân lực
52	QT70091	Ngọc Thủy	Hường	Nữ	02/04/1984	Hà Nội			7,25	7,25	67,50	14,50	
53	QT70092	Nguyễn Bích	Hường	Nữ	03/06/1972	Hà Nội	Miễn thi Tiếng Anh		8,50	6,00	-----	14,50	
54	QT70106	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	20/04/1992	Nghệ An			7,50	7,00	69,00	14,50	
55	QT70110	Lý Thiên	Long	Nam	23/07/1992	Hà Nội			8,00	6,50	70,00	14,50	
56	QT70127	Trần Thị	Nhân	Nữ	15/08/1978	Thanh Hóa			7,75	6,75	62,00	14,50	
57	QT70132	Nguyễn Vinh	Phú	Nam	04/01/1992	Hà Nội			8,25	6,25	62,50	14,50	
58	QT70147	Nguyễn Huy	Sơn	Nam	09/12/1988	Hà Nội			7,50	7,00	50,00	14,50	
59	QT70173	Trần Anh	Tú	Nữ	10/08/1988	Hà Nội			8,25	6,25	72,00	14,50	
60	QT70044	Khuất Minh	Hà	Nữ	28/01/1992	Hà Nội			6,75	7,50	52,00	14,25	
61	QT70076	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	17/06/1981	Bắc Giang			6,50	7,75	51,00	14,25	
62	QT70102	Nguyễn Thùy	Liên	Nữ	07/09/1992	Hà Nội			8,25	6,00	68,00	14,25	
63	QT70107	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	11/02/1993	Hà Nội			8,50	5,75	64,50	14,25	
64	QT70114	Phan Thị Hương	Ly	Nữ	24/10/1991	Hà Nội			7,25	7,00	50,50	14,25	
65	QT70166	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	14/12/1993	Hà Nội			8,00	6,25	70,00	14,25	
66	QT70174	Trần Minh	Tú	Nam	25/09/1990	Ninh Bình			8,00	6,25	70,00	14,25	
67	QT70188	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	15/07/1991	Bắc Ninh			6,75	7,50	71,00	14,25	
68	QT70009	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	22/12/1969	Hà Nội			7,50	6,50	63,00	14,00	

	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
								Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
69	QT70011	Phùng Thị Lan Anh	Nữ	21/07/1993	Hà Nội			8,00	6,00	52,50	14,00	
70	QT70021	Nguyễn Hà Bình	Nữ	08/08/1990	Thái Bình			8,75	5,25	50,00	14,00	
71	QT70030	Nguyễn Thanh Dung	Nữ	03/10/1990	Nam Định			5,25	8,75	51,00	14,00	
72	QT70042	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/09/1988	Nam Định			9,00	5,00	50,00	14,00	
73	QT70079	Nguyễn Ích Huy	Nam	10/12/1991	Hà Nội			8,25	5,75	55,00	14,00	
74	QT70101	Vũ Thị Lệ	Nữ	01/04/1973	Ninh Bình			7,00	7,00	50,00	14,00	
75	QT70129	Hoàng Thị Tuệ Như	Nữ	20/11/1989	Lạng Sơn			7,25	6,75	52,50	14,00	
76	QT70073	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/08/1992	Thanh Hóa			7,75	6,00	65,00	13,75	
77	QT70151	Nguyễn Tiến Thành	Nam	20/06/1991	Lào Cai	Miễn thi Tiếng Anh		8,25	5,50	-----	13,75	
78	QT70027	Nguyễn Thị Hà Doan	Nữ	25/01/1983	Hà Nội			7,00	6,50	65,00	13,50	
79	QT70043	Đỗ Thu Hà	Nữ	29/07/1984	Hà Nội			8,00	5,50	71,00	13,50	
80	QT70088	Nguyễn Thị Hương	Nữ	21/12/1971	Hà Nội	Miễn thi Tiếng Anh		8,25	5,25	-----	13,50	
81	QT70126	Lê Phan Nhân	Nam	07/12/1988	Hà Nội			8,50	5,00	55,00	13,50	
82	QT70131	Trần Thùy Ninh	Nữ	17/09/1990	Nam Định			7,25	6,25	61,00	13,50	
83	QT70159	Trịnh Thu Thủy	Nữ	27/08/1984	Hà Nội			8,25	5,25	75,50	13,50	
84	QT70178	Trần Thanh Tùng	Nam	14/02/1980	Thanh Hóa			8,50	5,00	54,00	13,50	
85	QT70007	Nguyễn Mai Anh	Nữ	27/04/1993	Hà Nội			7,75	5,50	76,00	13,25	
86	QT70019	Trần Trọng Biên	Nam	13/05/1976	Hà Nội			8,25	5,00	56,00	13,25	
87	QT70033	Bùi Khánh Duyên	Nữ	07/09/1991	Bắc Giang			7,50	5,75	64,50	13,25	
88	QT70035	Mai Hồng Dương	Nam	30/10/1989	Hà Nội			5,50	7,75	57,00	13,25	
89	QT70057	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	07/01/1991	Hà Nội			7,00	6,25	54,00	13,25	
90	QT70082	Lê Ngọc Huyền	Nữ	08/10/1978	Hà Nội			6,25	7,00	59,50	13,25	
91	QT70087	Đặng Thị Lan Hương	Nữ	16/03/1989	Hà Nội			7,50	5,75	63,00	13,25	
92	QT70144	Đỗ Thị Quỳnh	Nữ	24/09/1990	Tuyên Quang			6,25	7,00	68,00	13,25	

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
							Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
93	QT70163	Nguyễn Duy Thường	Nam	05/07/1982	Hòa Bình		7,75	5,50	52,00	13,25	
94	QT70005	Lê Thị Diệp Anh	Nữ	01/02/1993	Quảng Ninh		7,50	5,50	63,50	13,00	
95	QT70095	Đặng Cao Kường	Nam	29/07/1977	Hà Nội		7,00	6,00	51,50	13,00	
96	QT70097	Nguyễn Thị Phương Lan	Nữ	19/07/1982	Hà Nội		6,75	6,25	66,50	13,00	
97	QT70122	Tạ Trà My	Nữ	16/10/1993	Bắc Ninh		7,50	5,50	61,50	13,00	
98	QT70137	Trần Văn Quân	Nam	13/12/1987	Ninh Bình		5,50	7,50	56,00	13,00	
99	QT70138	Phạm Minh Quy	Nữ	11/06/1992	Hải Dương		8,00	5,00	57,00	13,00	
100	QT70146	Lương Thị Sâm	Nữ	04/06/1993	Bắc Giang		6,75	6,25	63,00	13,00	
101	QT70189	Nguyễn Thị Yên	Nữ	27/12/1988	Thái Bình		6,75	6,25	54,00	13,00	
102	QT70046	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	07/05/1988	Thái Nguyên		5,00	7,75	53,00	12,75	
103	QT70060	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	14/09/1987	Tuyên Quang		6,50	6,25	50,50	12,75	
104	QT70072	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	03/09/1989	Thái Bình		7,75	5,00	59,00	12,75	
105	QT70058	Nguyễn Vĩnh Hằng	Nữ	09/07/1983	Hòa Bình		7,50	5,00	61,00	12,50	
106	QT70066	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	28/04/1985	Hà Nội		7,00	5,50	51,00	12,50	
107	QT70071	Lê Quang Hợp	Nam	10/04/1988	Bắc Giang		7,50	5,00	50,00	12,50	
108	QT70080	Võ Đức Huy	Nam	01/02/1989	Quảng Ninh		7,50	5,00	53,00	12,50	
109	QT70109	Phạm Thị Linh	Nữ	07/05/1992	Hải Phòng		7,00	5,50	69,00	12,50	
110	QT70113	Lưu Thị Kim Ly	Nữ	08/07/1978	Hà Nội		6,50	6,00	64,00	12,50	
111	QT70184	Nguyễn Thị Hải Vân	Nữ	25/12/1981	Yên Bái		7,50	5,00	73,00	12,50	
112	QT70186	Phạm Quốc Việt	Nam	03/10/1989	Hà Nội		6,25	6,25	75,50	12,50	
113	QT70090	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	15/07/1990	Vĩnh Phúc		5,75	6,50	61,00	12,25	
114	QT70111	Nguyễn Song Long	Nam	18/08/1983	Hòa Bình		7,00	5,25	50,00	12,25	
115	QT70156	Trần Thị Hà Thu	Nữ	05/02/1982	Thái Bình		6,25	6,00	70,00	12,25	
116	QT70171	Nguyễn Tuấn Trung	Nam	25/01/1980	Hà Nội		7,25	5,00	63,00	12,25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi tiếng anh	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi				Ghi chú
								Toán kinh tế (1)	Quản trị NL (2)	Ngoại ngữ	Tổng (1) + (2)	
117	QT70026	Đỗ Văn	Cương	Nam	13/07/1986	Hà Nội		6,75	5,25	66,50	12,00	
118	QT70187	Nguyễn Đức	Vỹ	Nam	02/09/1970	Phú Thọ		6,50	5,50	66,00	12,00	
119	QT70096	Nguyễn Thị	La	Nữ	15/03/1990	Bắc Giang	Miễn thi Tiếng Anh	6,25	5,50	-----	11,75	
120	QT70149	Hoàng Ngọc	Thanh	Nam	20/04/1988	Hà Nội		6,50	5,25	65,50	11,75	
121	QT70172	Lê Đức	Trường	Nam	05/09/1988	Hà Nội		6,75	5,00	68,50	11,75	

Danh sách có 121 thí sinh trúng tuyển./.

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng